

Tập trung thị trường trong lĩnh vực ngân hàng tại Việt Nam

NGUYỄN THẾ BÌNH

Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM

Nhận bài: 07/08/2015 - Duyệt đăng: 25/10/2015

Nghiên cứu được thực hiện với mục tiêu đánh giá cấu trúc thị trường cạnh tranh trong lĩnh vực ngân hàng tại VN thông qua đo lường mức độ tập trung. Sử dụng phương pháp đo lường mức độ tập trung từ những dữ liệu thứ cấp, kết quả chỉ ra mặc dù có sự gia tăng quy mô của một số ngân hàng trong hệ thống nhưng cấu trúc thị trường trong lĩnh vực ngân hàng tại VN vẫn đáp ứng các yêu cầu về mức độ cạnh tranh. Cụ thể, mức độ tập trung và tập trung nhóm đo lường trên 03 phương diện là tổng tài sản, huy động vốn và cho vay lại có xu hướng giảm trong giai đoạn 2008-2014. Vì vậy, những lo ngại về sự tập trung quy mô trong quá trình tái cấu trúc sẽ gia tăng mức độ độc quyền hay độc quyền nhóm, qua đó, ảnh hưởng xấu đến môi trường cạnh tranh đến thời điểm này vẫn chưa xảy ra. Tuy nhiên, thị trường sẽ có những thay đổi lớn trong trường hợp một hay một vài ngân hàng thương mại trong nhóm lớn nhất sáp nhập với nhau hay việc hình thành 1 hay 2 ngân hàng có quy mô rất lớn. Đây là những lưu ý đối với các cơ quan quản lý, giám sát hệ thống ngân hàng thương mại VN trong thời gian tới.

Từ khoá: Cấu trúc thị trường ngân hàng, tập trung thị trường.

1. Đặt vấn đề

Ngành ngân hàng trên thế giới đã và đang có những biến đổi nhanh chóng trong những thập kỷ gần đây nhằm thích nghi với xu thế toàn cầu hoá, sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ cũng như các biến cố kinh tế. Tại VN, sau 27 năm chuyển đổi mô hình hoạt động từ hệ thống ngân hàng một cấp sang hệ thống ngân hàng hai cấp (Nghị định 053 HĐBT ngày 26/3/1988 của Hội đồng Bộ trưởng về tổ chức bộ máy ngân hàng nhà nước VN), hệ thống ngân hàng thương mại VN đã có những bước phát triển nhanh về quy mô, cơ cấu cũng như số lượng với hệ thống

mạng lưới hoạt động, tạo điều kiện cho VN chuyển đổi nhanh sang nền kinh tế thị trường. Tuy nhiên, trong những năm gần đây, hệ thống các ngân hàng thương mại VN đã bộc lộ những bất cập, yếu kém như vốn điều lệ và tính thanh khoản thấp, tỷ lệ nợ xấu tăng, trình độ quản trị yếu kém, nguồn nhân lực chưa đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế cần phải cấu trúc lại. Trong bối cảnh đó, ngày 01/03/2012 Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt đề án 254 về: “Cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng giai đoạn 2011-2015”¹ (sau đây gọi tắt là Đề án

¹Quyết định 254/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt đề án “Cơ cấu lại hệ thống các TCTD giai đoạn 2011-2015”

254). Đến nay, sau hai phần ba chặng đường thực hiện, Đề án cũng đã đem lại một số thành công nhất định. Tuy nhiên, hoạt động sáp nhập, hợp nhất và mua bán lại các ngân hàng thương mại đang dẫn đến những lo ngại về mức độ tập trung thị trường, qua đó, tác động không tốt đến môi trường cạnh tranh bởi một hay một nhóm ngân hàng lớn chi phối thị trường. Chính vì vậy, vấn đề đặt ra cần làm rõ là mức độ cạnh tranh trong cấu trúc thị trường ngân hàng VN sau quá trình tái cấu trúc? Có thể nhận thấy mặc dù có khá nhiều các công trình nghiên cứu trong và ngoài VN ở nhiều cấp độ khác

nhau có liên quan đến phân tích cấu trúc thị trường trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng; tuy nhiên, đánh giá cấu trúc cạnh tranh của thị trường thông qua đo lường mức độ tập trung tại VN thì vẫn chưa có nghiên cứu nào thực hiện. Với cách tiếp cận đó, bài viết sẽ đo lường mức độ tập trung của thị trường ngân hàng tại VN trong mối quan hệ với cấu trúc thị trường cạnh tranh.

2. Phương pháp và dữ liệu nghiên cứu

Như đã đề cập trong phần giới thiệu, mục tiêu của nghiên cứu là đánh giá mức độ tập trung thị trường của hệ thống ngân hàng thương mại VN trong quá trình tái cấu trúc. Kết quả của mức độ tập trung sẽ dẫn đến làm thay đổi cấu trúc thị trường qua đó, tác động đến mức độ cạnh tranh trong thị trường ngân hàng. Mức độ tập trung được đo lường thông qua các chỉ số tập trung, các chỉ số tập trung đo lường được trong từng giai đoạn sẽ giải thích rõ mức độ cạnh tranh trong cấu trúc thị trường ngân hàng. Với cách tiếp cận đó, nghiên cứu sẽ sử dụng phương pháp phổ biến nhất trong đo lường mức độ tập trung dựa vào tỷ trọng và cấu trúc được phát triển bởi Marfiels (1971a) và Dickson (1981). Phương pháp này đo lường mức độ tập trung thị trường của các ngân hàng thông qua chỉ số CR_k và Herfindahl-Hirschman (HHI). Hai chỉ số này được sử dụng phổ biến nhất trong đo lường mức độ tập trung thị trường trong lĩnh vực ngân hàng. Trên 20 quốc gia đã sử dụng hai chỉ số này để đo lường và xếp hạng chỉ số cạnh tranh trong lĩnh vực ngân hàng và nhìn chung, khá thống nhất². Chính vì vậy, nhóm nghiên cứu xác định rằng, sử dụng 02 chỉ số

này trong đo lường mức độ tập trung thị trường trong lĩnh vực ngân hàng tại VN là phù hợp bởi tính phổ biến của nó.

Chỉ số tập trung k

Chỉ số tập trung thị phần nhóm (CR) là tổng thị phần của một nhóm ngân hàng có thị phần lớn nhất. Tính đơn giản và số liệu dữ liệu ít đã giúp cho chỉ số tập trung k trở thành một trong những chỉ số thường được dùng nhiều nhất để đo lường độ tập trung trong thực tiễn. Chỉ số này đánh giá mức độ tập trung thị phần xác định liệu có rơi vào nhóm một số ngân hàng hay không. Chỉ số này được xác định thông qua thị phần của k ngân hàng lớn nhất trên thị trường, công thức đo lường mức độ tập trung thị phần:

Trong đó:

$$CR_k = \sum_{i=1}^k S_i$$

- + CR_k: Chỉ số tập trung (Concentration ratio)
- + S_i: Thị phần ngân hàng thứ i
- + k: Số lượng ngân hàng trong nhóm

Thông thường thì chỉ số này được tính dựa trên số lượng từ 03 ngân hàng trở lên tùy thuộc vào quy mô thị trường. Chỉ số tập trung có giá trị từ 0% đến 100%.

Chỉ số này càng cao thể hiện mức độ tập trung thị trường càng lớn và quyền lực thị trường sẽ tập trung vào nhóm ngân hàng này. Ngược lại, nếu ngành bao gồm n ngân hàng cũng kích cỡ,

$$CR_k = \sum_{i=1}^k S_i = \sum_{i=1}^k \frac{1}{n} = \frac{k}{n}$$

² Jacob A. Bikker and Katharina Haaf

Đây là một công thức nghịch thể hiện số lượng ngân hàng trên thị trường, và cho kết quả là $n_c = k/CR_k$ (White, 1982).

Dựa vào các mức độ tập trung, có thể phân loại thị trường thành các dạng như sau:

- Cạnh tranh hoàn hảo, với tỷ lệ tập trung rất nhỏ
- Cạnh tranh một cách tương đối, CR₃ < 65%, mức độ tập trung trung bình
- Độc quyền nhóm hoặc có vị trí thống lĩnh thị trường, CR₃ > 65%, mức độ tập trung cao
- Độc quyền, CR₁ xấp xỉ 100%

Chỉ số Herfindahl-Hirschman

Trong ngành ngân hàng, chỉ số Herfindahl-Hirschman (HHI) được sử dụng để nhận biết mức độ cạnh tranh của thị trường là hoàn hảo hay độc quyền cao. Tại Mỹ, chỉ số này được Bộ Tư pháp sử dụng để đánh giá mức độ độc quyền hay độc quyền nhóm trong hoạt động mua bán, sáp nhập (M&A) giữa các ngân hàng. HHI xác định bằng tổng bình phương thị phần của mỗi ngân hàng trong toàn hệ thống. Công thức xác định:

$$HHI = \sum_{i=1}^n S_i^2 \quad (1)$$

Trong đó:

- + S_i: Thị phần ngân hàng thứ i
- + n: Số lượng ngân hàng trong hệ thống

Chỉ số HHI có giá trị từ 1/n đến 1, chỉ số có giá trị thấp nhất (1/n) khi tất cả các ngân hàng trong thị trường đều có quy mô như nhau, và có giá trị bằng 1 trong trường hợp độc quyền.

Chỉ số HHI có thể xác định bằng cách khác:

$$HHI = 1/n + nV \quad (2)$$

Trong đó:

+ n: Số lượng ngân hàng trong hệ thống

+ V: Phương sai thống kê thị phần của các ngân hàng

$$v = \frac{\sum_{i=1}^n (s_i - \frac{1}{n})^2}{n}$$

Nếu tất cả các doanh nghiệp có thị phần bằng nhau (có nghĩa là nếu cấu trúc thị trường là hoàn toàn cân xứng, tức $s_i = 1/n$ đối với mọi i) thì $V = 0$ và $H = 1/n$. Nếu số lượng doanh nghiệp là không đổi, thì phương sai lớn hơn do mức độ bất đối xứng về thị phần giữa các doanh nghiệp sẽ tạo ra giá trị chỉ số cao hơn.

Ngoài 2 công thức trên, trong những trường hợp mà số lượng chính xác các ngân hàng cũng như quy mô của nó không thể xác định được, chỉ số HHI được xác định thông qua vào lý thuyết phân phối, Hart (1975) chỉ số HHI được xác định bằng công thức:

$$HHI = (\eta_0^2 + 1)n$$

Trong đó η^2 là hệ số biến đổi (những thay đổi có thể xảy ra của cấu trúc quy mô) của phân phối ban đầu.

Thông qua chỉ số HHI, thị trường sẽ được phân loại mức độ cạnh tranh dựa trên cơ sở sau:

+ $HHI < 0.01$: Thị trường cạnh tranh hoàn hảo

+ $0.01 \leq HHI \leq 0.1$: Mức độ cạnh tranh cao

+ $0.1 \leq HHI \leq 0.18$: Thị trường cạnh tranh trung bình

+ $0.18 \leq HHI$: Mức độ tập trung thị trường cao và có xu hướng độc quyền

Đây là chỉ số cơ bản khi cơ quan quản lý cạnh tranh xem xét đến sự thay đổi về cấu trúc thị trường xảy

ra sau các hoạt động sáp nhập, hợp nhất (M&A). Pháp luật về cạnh tranh của nhiều nước quy định cụ thể mức độ tập trung kinh tế thông qua chỉ số HHI trong việc rà soát các diễn biến về tập trung kinh tế.

Trong nghiên cứu này, do số lượng các ngân hàng và các chỉ số về quy mô trong toàn hệ thống được xác định nên chỉ số này được tác giả tính toán theo công thức (1)

$$HHI = \sum_{i=1}^n s_i^2 \quad (1)$$

Mức độ tập trung của hệ thống ngân hàng thương mại VN được tính toán thông qua các số liệu thu thập từ cơ sở dữ liệu của các báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của các ngân hàng thương mại VN. Các số liệu bao gồm số liệu của các ngân hàng thương mại Nhà nước và ngân hàng thương mại Cổ phần trong giai đoạn 2008 – 2014, với 2,889 quan sát, trong đó:

Năm	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014
Số ngân hàng	43	43	43	41	40	39	38

Việc đo lường mức độ tập trung thị trường của hệ thống ngân hàng thương mại VN để đánh giá cấu trúc thị trường được nghiên cứu thực hiện trên 03 phương diện: (1) Tổng tài sản; (2) Thị phần huy động; và (3) Thị phần cho vay trong các năm từ năm 2008 đến năm 2014.

Lý do nghiên cứu giới hạn khung thời gian phân tích dữ liệu từ năm 2008 bởi đây là thời điểm mà các báo cáo tài chính của các ngân hàng thương mại yêu cầu phải được kiểm toán khi công bố nhằm đảm bảo tính thống nhất trong dữ liệu phân tích. Do nghiên cứu chỉ đánh giá mức độ tập trung thị trường của các ngân

hàng thương mại VN nên các dữ liệu trong phân tích cũng loại trừ số liệu về các ngân hàng thương mại nước ngoài và chi nhánh của các ngân hàng thương mại nước ngoài đang hoạt động tại VN.

3. Kết quả và thảo luận

Mức độ tập trung thị trường giai đoạn 2008 – 2014 trên 03 phương diện là: Tổng tài sản; huy động vốn và cho vay của hệ thống ngân hàng thương mại VN được đo lường trong Bảng 1.

Mức độ tập trung thị trường trong hệ thống có xu hướng giảm trong cả 03 tiêu chí: Về tổng tài sản, giảm từ 0.107 trong chỉ số HHI ($0.1 \leq HHI \leq 0.18$) thị trường cạnh tranh trung bình tức là ở mức độ tập trung vừa phải xuống 0.07 ($0.01 \leq HHI \leq 0.1$) Mức độ cạnh tranh cao, thị trường không mang tính tập trung.

Tuy nhiên, về chỉ tiêu huy động và cho vay, chỉ số HHI giảm

trong giai đoạn 2008 – 2011 (từ 0.128 – 0.093 của huy động và 0.140 – 0.099), sau đó tăng lên trong giai đoạn 2012-2014. Đây là một trong những hiệu ứng của quá trình M&A trong giai đoạn 2011-2014 hình thành một số ngân hàng có quy mô lớn về tổng tài sản cũng như thị phần huy động và cho vay.

Sự biến thiên của chỉ số HHI được thể hiện khá rõ trong Hình 1, các chỉ số, nhìn chung giảm trong giai đoạn 2008 – 2011, sau đó ổn định và tăng nhẹ trong giai đoạn 2011-2014, hiệu ứng gia tăng thị phần của một số ngân hàng sau M&A. Tuy nhiên, mức độ tập trung trong hệ thống ngân hàng thương

Bảng 1: Mức độ tập trung thị trường ngân hàng VN 2008-2014

Chỉ số	Tiêu chí	Năm						
		2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014
HHI	Tổng tài sản	0.107	0.090	0.074	0.070	0.071	0.073	0.073
	Vốn huy động	0.128	0.105	0.096	0.093	0.094	0.097	0.090
	Vốn cho vay	0.140	0.115	0.105	0.099	0.110	0.110	0.100
CR3	Tổng tài sản	48.4%	42.8%	38.0%	36.1%	37.5%	38.6%	38.3%
	Vốn huy động	54.1%	47.5%	43.9%	42.8%	40.7%	40.3%	38.1%
	Vốn cho vay	57.9%	50.6%	49.3%	47.7%	47.9%	46.8%	44.0%

Nguồn: Tính toán của tác giả

mại VN sau quá trình tái cấu trúc thông qua M&A mặc dù có làm gia tăng mức độ tập trung nhưng vẫn thuộc nhóm thị trường có độ cạnh tranh cao với mức độ tập trung thấp ($0.01 \leq HHI \leq 0.1$)

Xét về chỉ số tập trung trong nhóm 3 ngân hàng lớn nhất (CR_3): Mức độ tập trung trong nhóm 3 ngân hàng lớn nhất trong hệ thống ngân hàng VN giai đoạn 2008 – 2014 được tính toán trong Bảng 1. Trong đó, các chỉ số tập trung nhóm 3 ngân hàng lớn nhất về thị phần huy động và cho vay giảm liên tục trong giai đoạn 2008 – 2014. Cụ thể, CR_3 thị phần huy động vốn giảm từ 54.1% năm 2008 xuống 38.1% năm 2014; thị phần cho vay giảm từ 57.9% năm 2008 xuống 44.0% năm 2014. Sự sụt giảm của chỉ số này đã chỉ ra rằng, mức độ cạnh tranh ngày càng cao trong hoạt động của hệ thống ngân hàng thương mại VN. Trong khi đó, một thời gian dài, một tỷ trọng cao thị phần thuộc nhóm các ngân hàng thương mại nhà nước.

So sánh với các quốc gia khác

Không chỉ giảm dần, so với một số quốc gia, bao gồm các quốc gia phát triển và các nước trong khu vực, chỉ số tập trung ngân hàng tại VN bao gồm HHI

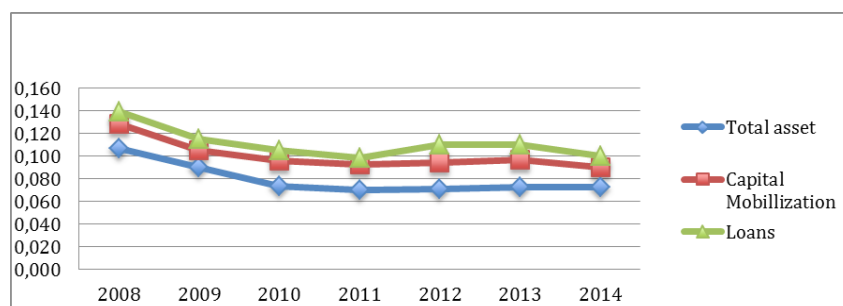
và tập trung nhóm CR trong nhóm 3, 5 và 10 ngân hàng lớn trong hệ thống đang ở mức trung bình (Bảng 2). Điều này một lần nữa chứng tỏ rằng, thị trường ngân hàng tại VN đang trở nên cạnh tranh hơn cho đến thời điểm nghiên cứu này thực hiện.

4. Kết luận

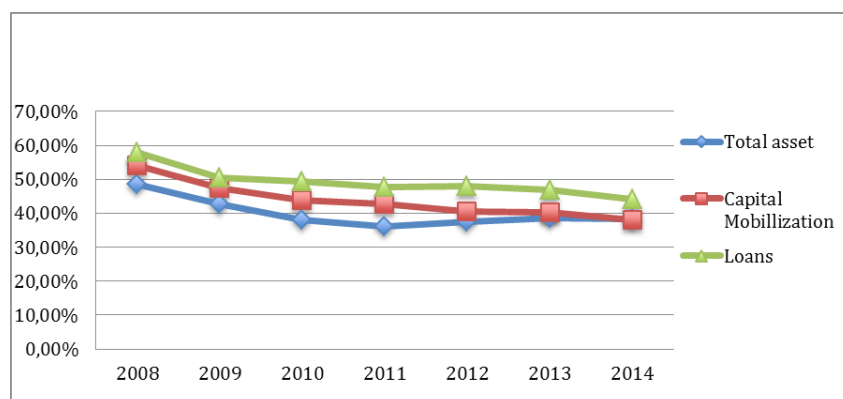
Hệ thống ngân hàng thương

mại VN đã và đang có những thay đổi mạnh mẽ trong tiến trình tái cấu trúc theo hướng giảm số lượng những ngân hàng yếu kém, gia tăng quy mô thông qua hoạt động M&A nhằm mục tiêu xây dựng một hệ thống ngân hàng an toàn, hiệu quả với năng lực cạnh tranh cao. Nghiên cứu thực nghiệm đối với quá trình M&A trong hệ thống ngân hàng thương mại VN giai

Hình 1: Diễn biến chỉ số HHI giai đoạn 2008 – 2014



Hình 2: Diễn biến chỉ số CR3 giai đoạn 2008 – 2014



đoạn 2008-2014 với phương pháp tiếp cận cấu trúc đã chỉ ra: (1) Mặc dù có sự tập trung sau quá trình M&A nhưng nhìn chung, mức độ tập trung vẫn ở mức vừa phải, điều này không chỉ diễn ra trong toàn hệ thống mà ngay cả trong nhóm những ngân hàng lớn nhất. Cạnh tranh cao trong thị trường ngân hàng là một trong những yếu tố giúp cho hệ thống ngân hàng thương mại VN nâng cao hiệu quả hoạt động – một trong những mục tiêu quan trọng của đề án tái cấu trúc hệ thống các tổ chức tín dụng mà VN đang tích cực triển khai; (2) Kết quả nghiên cứu cũng chỉ ra những lo ngại về sự tập trung quy mô từ hoạt động M&A trong hệ thống ngân hàng thương mại VN sẽ gia tăng mức độ độc quyền hay độc quyền nhóm, qua đó, ảnh hưởng xấu đến môi trường cạnh tranh đến thời điểm này vẫn chưa xảy ra; và (3) Tuy nhiên, tình trạng thị trường sẽ có những thay đổi lớn về mức độ tập trung nếu trong trường hợp một hay một vài ngân hàng thương mại trong nhóm lớn nhất sáp nhập với nhau. Đây là những lưu ý đối với các cơ quan quản lý, giám sát hệ thống ngân hàng thương mại VN trong thời gian tới●

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Davis, K. (2007). Banking concentration, financial stability and public policy. *The Structure and Resilience of the Financial System*, ed. by C. Kent and J. Lawson.

Jacob A. Bikker and Katharina Haaf. (2002). Measures of Competition and Concentration in the Banking Industry: a Review of the Literature. *Economic & Financial Modelling*.

Nguyễn Hồng Sơn. (2012). *Định dạng ngành ngân hàng VN sau khi tái cơ cấu: Thông lệ quốc tế và tác động đối với VN*.

Nguyễn Thị Diệu Chi. (2014). *Phát triển hoạt động mua bán, sáp nhập trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng VN*. Luận án tiến sĩ kinh tế.

Bảng 2: Chỉ số tập trung tại 20 quốc gia, dựa trên tổng tài sản (1997)

Quốc gia	Chỉ số				Số lượng ngân hàng
	HHI	CR3	CR5	CR10	
Australia	0.14	0.57	0.77	0.90	31
Austria	0.14	0.53	0.64	0.77	78
Belgium	0.12	0.52	0.75	0.87	79
Canada	0.14	0.54	0.82	0.94	44
Denmark	0.17	0.67	0.80	0.91	91
France	0.05	0.30	0.45	0.64	336
Germany	0.03	0.22	0.31	0.46	1,883
Greece	0.20	0.66	0.82	0.94	22
Ireland	0.17	0.65	0.73	0.84	30
Italy	0.04	0.27	0.40	0.54	331
Japan	0.06	0.39	0.49	0.56	140
Luxembourg	0.03	0.20	0.30	0.49	118
Netherlands	0.23	0.78	0.87	0.93	45
Norway	0.12	0.56	0.67	0.81	35
Portugal	0.09	0.40	0.57	0.82	40
Spain	0.08	0.45	0.56	0.69	140
Sweden	0.12	0.53	0.73	0.92	21
Switzerland	0.26	0.72	0.77	0.82	325
UK	0.06	0.34	0.47	0.68	186
US	0.02	0.15	0.23	0.38	717
Trung bình	0.11	0.47	0.61	0.75	

Nguồn: Bikker và Haaf (2002)

VN*	0.07	0.38	0.53	0.70	34
------------	-------------	-------------	-------------	-------------	-----------

*: Năm 2014

Nguồn: Tính toán của tác giả

Phan Diên Vỹ. (2013). *M&A ngân hàng thương mại cổ phần VN*. Luận án tiến sĩ kinh tế.

Sharma, M. K., & Bal, H. K. (2010). Measures of Concentration: An Empirical Analysis of the Banking Sector in India. *Journal of Global Business Issues*, 4(2), 55.

Vũ Thông Nhất. (2011). *Một số tác động yếu tố về M & A trong lĩnh vực ngân hàng VN*. Báo cáo của Công ty chứng khoán Sen Vàng, 5/2011.

Vương Hoàng Quân và cộng sự (2009). The M&A market in process of shifting Vietnam economy. *Economic and Political Research Journal*. Volume 5, 3/2010.

Chính phủ. (2012). *Quyết định số 254/QĐ-TTg về việc phê duyệt Đề án “Cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng giai đoạn 2011-2015”*